

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày 24-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 390/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Hoàng Thị T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1969 tại Thái Nguyên. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tiểu khu TL, thị trấn Đ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn X và bà Đào Thị T2 (đều đã chết); có chồng là Dương Văn M, sinh năm 1963 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/11/2018 đến ngày 28/11/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Hoàng Xuân T1, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1980 tại Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 4, khu HL, phường ND, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị C; có vợ là Lưu Thị H và 01 con; tiền án: 01 tiền án (Bản án số 80/2016/HSST ngày 26/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù

về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” - chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2017); tiền sự: Không; nhân thân: 01 tiền sự đã được xóa (Tháng 6/2011 bị bắt cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục lao động xã hội huyện Vũ Oai); bị bắt, tạm giam từ ngày 23/01/2019; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T: Ông Nguyễn Xuân Tứ - Luật sư của Văn phòng Luật sư 13-5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T1: Ông Nguyễn Văn Chanh - Luật sư của Văn phòng Luật sư Lam Sơn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Văn S1, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Thị H1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 19/11/2018, tại phòng 305 khách sạn City View thuộc Thôn đường 10, xã TD, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Công an huyện TN bắt quả tang Hoàng Thị T có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng bên trong có 05 túi nilon có kích thước khoảng 7x10cm đều chứa tinh thể màu trắng và 02 điện thoại di động.

Cùng đi với T có Hoàng Xuân T1 và Nguyễn Văn S1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm DD, xã NH, huyện HD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã bị cơ quan Công an triệu tập về trụ sở xác minh, ghi lời khai. Tạm giữ của Hoàng Xuân T1: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng. Tạm giữ của Nguyễn Văn S1: 01 xe ô tô taxi Bình An BKS: 20A-104.69 cùng giấy tờ xe ô tô, giấy tờ cá nhân của S1 có liên quan; 02 điện thoại di động đã qua sử dụng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN không phát hiện, thu giữ đồ vật tài sản gì.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Xuân T1, Cơ quan CSĐT Công an huyện TN phát hiện, thu giữ: 07 túi nilon chứa tinh thể màu trắng.

Tại bản Kết luận giám định số 615/KLGĐ (Đ6) ngày 21/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Hoàng Thị T là ma túy, khối lượng 498,84 gam, là loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 617/KLGĐ (Đ6) ngày 22/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu tinh thể thu giữ tại nơi ở của Hoàng Xuân T1 có khối lượng 20,4975 gam, không tìm thấy thành phần các chất ma túy trong mẫu tinh thể.

Xét hỏi, Hoàng Thị T khai: Cách ngày bị bắt khoảng 2-3 ngày khi T đang ở thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh thì một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ)

gặp và nhờ T lấy hộ năm lạng ma túy đá để người này bán cho khách ở Hải Phòng. T đồng ý và báo giá ma túy đá cho người này là 26.000.000 đồng/lạng và hẹn khi nào có ma túy sẽ mang về Hải Phòng bán cho người này và lấy tiền sau. Tối ngày 17/11/2018, T đến nhà Hoàng Xuân T1 ở MC bảo T1 đi cùng xách ma túy cho T về Hải Phòng, T1 sẽ được trả công là 5.000.000 đồng, T1 đồng ý. T gọi điện cho nam giới đã từng bán ma túy cho T tên T3 nhà ở huyện ĐT, thành phố TN hỏi mua ma túy đá. T và Tiên thống nhất khi nào T về bến xe Thái Nguyên, T3 sẽ cho người mang năm lạng ma túy đá có giá 20.000.000 đồng/lạng cho T; sau khi T bán ma túy xong sẽ trả tiền cho T3. Khoảng 19 giờ ngày 18/11/2018 T cùng T1 và T4 (con trai T) đi xe khách từ Móng Cái về Thái Nguyên. Trên xe khách T nói với T1 là T1 đi về nhà T chờ, còn T xuống bến xe Thái Nguyên lấy hàng rồi về sau. Khoảng 04 giờ ngày 19/11/2018 khi đến bến xe Thái Nguyên, thì T xuống xe còn T1 và T4 ở lại trên xe đi về nhà T. Tại bến xe Thái Nguyên, T gọi điện cho T3 báo đang ở bến xe Thái Nguyên thì T3 nói T cứ chờ ở đó sẽ cho người mang ma túy đến. Khoảng 20 phút sau, một chiếc xe taxi (sau này T biết người lái xe tên là Nguyễn Văn S1) đến đón T. Khi T đang ngồi trong xe taxi thì có một nam giới không quen biết đi xe ô tô đến đưa cho T một túi vải và bảo T đây là hàng của T nên T biết bên trong túi là ma túy đá T3 bán cho T. T nhận túi ma túy rồi đi xe taxi về nhà T, T vào nhà mở túi vải ra thì thấy bên trong có 02 túi nilon đựng chè khô T biết bên trong cất giấu ma túy đá. T lấy hai túi chè khô khỏi túi vải và cho vào túi chứa bím, sữa của cháu ngoại T và bảo T1 đó là hàng để mang về Hải Phòng. T gọi điện cho người đàn ông Móng Cái mua ma túy nói đã có đủ ma túy đá thì người này nói T mang ma túy về Hải Phòng. T bảo T1 xách hành lý trong có túi chứa ma túy còn T bế cháu ngoại rồi cả hai lên xe taxi của Sáng đi về Hải Phòng. Khoảng 08 giờ ngày 19/11/2018 thì xe taxi đến Hải Phòng. T và T1 chờ đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì người đàn ông mua ma túy đi ô tô đến đón. T nói với T1 túi hàng T1 xách theo là ma túy và bảo T1 xách túi ma túy lên xe đi cùng người mua ma túy, còn T bế cháu đi xe taxi theo sau. Khi hai xe đến khách sạn City View tại huyện TN, thành phố Hải Phòng (do người mua ma túy thuê phòng) thì T bế cháu, T1 xách túi ma túy đi theo người mua ma túy vào phòng 305 của khách sạn. Tại đây, người mua ma túy yêu cầu kiểm tra ma túy thì T1 cùng người này mở hai túi chứa chè khô ra thì thấy bên trong có năm túi nilon bọc ngoài bằng giấy vệ sinh đều chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá được để lẫn cùng với chè khô. Sau khi kiểm tra, T1 và người mua ma túy lấy năm túi ma túy đá ra cho vào túi bím, sữa và gói lại hai túi chứa chè khô rồi để tất cả tại giường T đang nằm. T1 còn vớt các mảnh giấy vệ sinh để bọc các túi ma túy đá đi. Người mua ma túy gọi điện cho ai đó rồi bảo T là lúc nữa sẽ có người đến lấy ma túy và trả tiền. Sau đó T1 và người mua ma túy rời khỏi phòng và cùng S1 đi ăn cơm tại quán cơm đối diện khách sạn City View. Khoảng 20 phút sau, khi T đang ở trong phòng thì lực lượng Công an vào

kiểm tra phát hiện và thu giữ số ma túy “đá” T mang xuống Hải Phòng để bán; đồng thời giữ T1 và Sáng tại quán cơm, còn đối tượng mua ma túy đã bỏ trốn.

Ngoài ra T còn khai: Khoảng 2-3 tháng trước ngày bị bắt, T và T1 cùng nhau bán ma túy tại nhà T1 ở Móng Cái- Quảng Ninh. T1 trực tiếp đi mua ma túy đá mang về phân chia đóng gói thành các túi ma túy đá nhỏ để bán với giá 200.000 đồng đến 300.000 đồng/túi, lãi được 30.000 đến 50.000 đồng/ túi. Khách mua ma túy thống nhất với T1 và T khi liên lạc giao dịch mua bán sẽ gọi một túi ma túy đá là một “cái”. Khi khách gọi điện mua ma túy thì T1 mang ma túy bán cho khách hoặc khách trực tiếp đến nhà T1 mua ma túy. T là người giới thiệu khách mua ma túy cho T1. Tiền lãi từ việc bán ma túy được T1 và T chia nhau để chi tiêu.

Ngoài lần mua ma túy “đá” của Tiến đã khai ở trên, T còn 02 lần mua ma túy “đá” của T3 vào tháng 9 năm 2018 (T không nhớ ngày), 01 lần T mua hộ T1 50 gam ma túy “đá” giá 10 triệu đồng, T và T1 mang về chia thành các túi nhỏ để bán; 01 lần T mua hộ 01 người phụ nữ tên H2 ở Móng Cái 01 lạng ma túy “đá” giá 20 triệu đồng, nhưng do không đủ tiền nên T nợ lại Tiến 13.000.000 đồng. T đã gọi điện bảo T1 gom tiền T1 nợ T để T trả cho Tiến do T vừa lấy một lạng ma túy và T1 nói với T để T1 gom tiền trả T sau. Sau đó T1 đã trả tiền cho T để T trả cho Tiến.

Xét hỏi Hoàng Xuân T1 khai về việc cùng T mang ma túy từ Thái Nguyên ra Hải Phòng để bán như lời khai của T. Đối với việc cùng T bán lẻ ma túy tại nhà của T1, T1 khai nguồn gốc số ma túy để bán là do T mang đến, T1 chỉ giúp T đi giao ma túy cho khách và nhận tiền về đưa cho T, T trả công cho T1 bằng ma túy để T1 sử dụng. T1 không biết cụ thể khối lượng ma túy “đá” mà T đã mua để mang đến nhà T1 bán cho các đối tượng nghiện.

Về nguồn gốc các túi chứa tinh thể thu khi khám xét T1 khai T1 mua của một người đàn ông không quen biết người Trung Quốc với giá khoảng 4.000.000 đồng tại Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để T1 sử dụng nhưng không sử dụng được nên T1 biết là ma túy giả. T1 cất giấu nhằm mục đích trộn với ma túy thật để bán lấy lãi cao nhưng T1 chưa kịp trộn thì bị bắt.

Nguyễn Văn S1 khai: Sáng không biết, không liên quan đến việc vận chuyển ma túy của Hoàng Thị T. Sáng ngày 19/11/2018 khi Sáng đang lái xe taxi thì được một nam giới không quen biết cho số điện thoại của T để Sáng liên lạc rồi đến đón T. Sau đó Sáng liên lạc với T rồi lái xe taxi đến đón T tại bến xe Thái Nguyên. Trên xe taxi, T liên lạc với ai đó rồi có một nam giới đi ô tô đến đưa cho T một túi màu đen nhưng Sáng không biết bên trong chứa gì. Sau đó theo yêu cầu của T, S1 chở T về nhà T tại Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đón thêm T1 và cháu của T rồi mang theo hành lý về Hải Phòng. Về đến Hải Phòng có một nam giới đi xe ô tô đến đón và T1 xách hành lý đi lên xe người này còn S1 chở T theo sau. Khi đến khách sạn City view thì T1, T, người nam giới lên phòng còn S1 chờ trong xe taxi đỗ tại sân khách sạn. Đến khoảng gần 12 giờ cùng ngày T1 cùng người nam giới rủ S1 đi ăn cơm. Khi đang ăn cơm thì T1, S1 bị cơ quan Công an mời về trụ sở làm việc còn người nam giới đã đi đâu mất.

Kiểm tra dữ liệu điện thoại của Hoàng Thị T có các dữ liệu ghi âm cuộc gọi theo T và T1 khai là ghi âm cuộc gọi của T với T1 về việc mua bán ma túy đá. Theo đó T giải thích từ ngữ trong nội dung ghi âm thì từ " cái" là một túi ma túy đá nhỏ, "lệnh" là một lạng ma túy đá phù hợp với lời khai của T, T1 về việc mua bán ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS-P1 ngày 29 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Hoàng Thị T và Hoàng Xuân T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị T; xử phạt: Tù Chung thân. Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Xuân T1; xử phạt 20 năm tù. Phạt tiền 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T: Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi cháu ngoại còn nhỏ thay con gái. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thích hợp và giảm mức phạt tiền đối với bị cáo T.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân T1: Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo chỉ có vai trò giúp sức, là người làm thuê cho bị cáo T, mục đích để lấy ma túy sử dụng nên mức hình phạt 20 năm tù mà Viện kiểm sát đề nghị là quá cao. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố tham gia quân đội được thưởng Huân, Huy chương – đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, hiện nay bị cáo đang bị xuất huyết não, sức khỏe yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo T, T1 không bổ sung quan điểm của Luật sư và không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Thị T và Hoàng Xuân T1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 19/11/2018, tại phòng 305 khách sạn City View thuộc Thôn đường 10, xã TD, huyện TN, thành phố Hải Phòng, Công an huyện TN, thành phố Hải Phòng đã bắt quả tang Hoàng Thị T và Hoàng Xuân T1 có hành vi mua bán trái phép chất ma túy (theo kết luận giám định là 498,84 gam Methamphetamine). Trước đó, T và T1 đã nhiều lần bán lẻ ma túy là Methamphetamine cho các đối tượng nghiện nhằm mục đích để bán kiếm lời. Do đó, đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Hoàng Thị T và Hoàng Xuân T1 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, mặt khác, ma túy vẫn đang là hiểm họa của toàn cầu, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Các bị cáo Hoàng Thị T và Hoàng Văn T1 có hành vi mua bán trái phép 498,84 gam Methamphetamine. Do đó, các bị cáo bị xét xử theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Trong vụ án này bị cáo Hoàng Thị T là người trực tiếp mua ma túy từ một người đàn ông tên là T3 ở Thái Nguyên, đem về Hải Phòng để bán. T đã nhờ Hoàng Văn T1 đi cùng để xách ma túy cho T và được T trả công, T1 giúp T mở túi đựng ma túy cho người mua kiểm tra xem ma túy giả hay thật và trước đó T1 cũng giúp T mua bán ma túy cho các đối tượng nghiện, nên Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của bị cáo T là cao nhất, bị cáo T1 với vai trò đồng phạm giúp sức.

[6] Nhân thân bị cáo Hoàng Văn T1 đã có 01 tiền án về tội nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo T, T1 còn nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa, các bị cáo T, T1 đã thành khẩn khai báo. Ngoài hành vi phạm tội bị bắt quả tang, các bị cáo còn khai việc mua bán ma túy trước đó, được coi là tình tiết “tự thú”, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhưng căn cứ vào khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân của các bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì cần phải xử phạt bị cáo Hoàng Thị T mức tù không thời hạn; bị cáo Hoàng Văn T1 mức án khởi điểm của khung hình phạt mới đảm bảo tính chất răn đe và giáo dục các bị cáo. Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T, T1 để sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư đề nghị áp dụng đối với bị cáo nhưng mức hình phạt tù của bị cáo phải không có thời hạn mới đảm bảo yêu cầu phòng chống tội phạm về ma túy. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T1, Hội đồng xét xử chấp nhận tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo nhưng không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ bố bị cáo tham gia quân đội do ngoài lời khai của bị cáo tại phiên tòa, trong hồ sơ vụ án không có căn cứ nào khác để thể hiện; ngoài ra, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo đã phù hợp nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[9] Đối với việc bị cáo T khai khoảng tháng 9 năm 2018 đã mua hộ T1 50 gam ma túy “đá”, T mang đến nhà T1 và cùng T1 chia nhỏ ra để bán cho các đối tượng nghiện, hiện chỉ có lời khai của T về khối lượng chất ma túy “đá”, T1 không biết về khối lượng cụ thể chất ma túy “đá” mà T đã mang đến nhà T1 để bán, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để kết luận T và T1 đã mua bán 50 gam ma túy “đá” là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với Nguyễn Văn Sáng, tài liệu điều tra không chứng minh được S1 đồng phạm với T, T1 về việc mua bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý đối với S1 là đúng pháp luật.

[11] Đối với các đối tượng tên T3, H1 và người đàn ông ở Móng Cái, Quảng Ninh, là những người bán và mua ma túy của Hoàng Thị T hiện chưa xác định lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý là đúng pháp luật.

- *Về xử lý vật chứng:*

[12] Đối với số ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định: Đây là vật cấm lưu hành không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[13] Đối với 01 điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo Hoàng Xuân T1 và 02 điện thoại Samsung màu trắng, màu đen thu giữ của Hoàng Thị T: Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo T khai 01 điện thoại là của con bị cáo cho bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nhưng căn cứ vào các biên bản mở, kiểm tra điện thoại và trích xuất nội dung điện thoại thể hiện các bị cáo sử dụng vào việc liên lạc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước.

[14] Đối với 02 chai nhựa có gắn nỏ T tinh và ống hút, 01 vỏ sạc dự phòng điện thoại: Đây là đồ vật dùng vào việc sử dụng ma túy, không có giá trị; giá trị không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

[15] Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo T khai Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo 1 đôi bông tai; bị cáo T1 khai bị Cơ quan điều tra thu giữ 1 ví, 01 đăng kí xe nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện, nên các bị cáo có quyền kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ việc thu giữ các đồ vật này.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:*

[16] Các Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 39; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Hoàng Thị T**: Tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018

Phạt tiền bị cáo 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước

2. Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g,h khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự ; xử phạt bị cáo **Hoàng Xuân T1**: 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

Phạt tiền bị cáo 10.000.0000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 hộp bì niêm phong trên niêm phong có chữ ký Phạm Văn B, Nguyễn Đức T4, Nguyễn Đức T4, Hoàng Thị N1, Hoàng Thị T và dấu niêm phong số 615/2018/PC09 của Phòng PC09 Công an thành phố Hải Phòng.

+ 04 phong bì niêm phong ghi lần lượt Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04; trên niêm phong mỗi phong bì đều có chữ ký của Hoàng Thị N1, Hoàng Thị C1, Nguyễn Văn T5, Phạm Thanh S2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thanh T1, Thái Tuấn L, Đỗ Thị H3 và dấu niêm phong số 617/2018/PC09 của Phòng PC09 Công an thành phố Hải Phòng, dấu đỏ của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN, thành phố Hải Phòng.

+ 01 phong bì niêm phong, trên niêm phong có chữ ký của Nguyễn Duy L, Hoàng Văn L1, dấu đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng.

+ 02 chai nhựa có gắn nổ thủy tinh và ống nút.

+ 01 vỏ sạc dự phòng màu trắng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động, gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng có các số imei 352808/09/190826/9 và 352809/09/190826/7.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu trắng đã qua sử dụng có các số imei 352700/07/409642/0 và 352701/07/409642/8.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, không xác định được số imei (đã qua sử dụng).

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 31/5/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Các bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm